



HOJO TOKIMUNE VÀ TRẦN QUỐC TUẤN: TƯỚNG LĨNH TÀI BA TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG NGUYÊN MÔNG THẾ KỶ XIII

HOJO TOKIMUNE AND TRAN QUOC TUAN: TALENTED COMMANDERS IN THE WAR AGAINST THE MONGOL INVASIONS (13TH CENTURY)

Văn Tường Vi

Khoa Đông Phương học, Đại học Lạc Hồng, Việt Nam.
tuongvi@lhu.edu.vn

TÓM TẮT. Vào thế kỷ XIII, Đại Việt và Nhật Bản đồng thời đối mặt với nguy cơ xâm lược đến từ đế quốc Nguyên Mông. Tuy nhiên tất cả các cuộc xâm lược của quân Nguyên Mông vào Đại Việt và Nhật Bản đều thất bại. Bài viết với mục tiêu lý giải nhân tố tài năng lãnh đạo của tướng lĩnh đã góp phần đưa đến thắng lợi của cuộc kháng chiến, cụ thể qua trường hợp Trần Quốc Tuấn (Đại Việt) và Hojo Tokimune (Nhật Bản). Bài viết trình bày cuộc đời, sự nghiệp của Trần Quốc Tuấn, Hojo Tokimune đặt trong bối cảnh kinh tế - chính trị - xã hội Nhật Bản, Đại Việt vào thế kỷ XIII, những chiến lược và chiến thuật được sử dụng trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông. Qua đó, bài viết phân tích, lập luận và chứng minh nhân tố tài năng lãnh đạo là một trong những nguyên nhân đem lại chiến thắng cho Đại Việt và Nhật Bản trước đế quốc Nguyên Mông hùng mạnh.

TỪ KHOA. Đế quốc Nguyên Mông, Trần Quốc Tuấn, Hojo Tokimune, nhà Trần, Mạc phủ Kamakura.

ABSTRACT. In the 13th century, Viet Nam and Japan faced up to the invasion of the Mongol Empire. However, all of the Mongol invasions to Viet Nam and Japan ended in failure. We are trying to explain scientifically that the talent of leading the resistance of Tran Quoc Tuan (Viet Nam) and Hojo Tokimune (Japan) were one of the reasons leading to victory. In the content of the article, we make an overview of the life, policies and strategies of Tran Quoc Tuan and Hojo Tokimune through the economic, political, social background of Japan and Viet Nam in the 13th century to clarify the reason above.

KEYWORDS. Mongol empire, Tran Quoc Tuan, Hojo Tokimune, the Tran dynasty, Kamakura shogunate.

1. DẪN NHẬP

Sự trỗi dậy và bành trướng của đế quốc Nguyên Mông ở phía bắc đại lục châu Á vào thế kỷ XIII là một sự kiện lịch sử thu hút nhiều sự quan tâm của các học giả trong và ngoài nước. Khi nghiên cứu về nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông trường hợp Nhật Bản và Đại Việt, chúng tôi cho rằng có nhiều nhân tố đã góp phần vào chiến thắng này như yếu tố con người, sức mạnh quân sự, thể chế chính trị, quan hệ quốc tế và thời tiết khí hậu. Trong bài báo này, thông qua việc trình bày bối cảnh xã hội của Đại Việt dưới thời nhà Trần, Nhật Bản dưới thời Mạc phủ Kamakura, đồng thời trình bày nghiệp tích và tài năng thao lược của Trần Quốc Tuấn và Hojo Tokimune, qua đó làm nổi bật vai trò của hai vị tướng trong việc dẫn dắt dân tộc chiến thắng một tập đoàn quân sự hùng mạnh nhất thế giới lúc bấy giờ là đế quốc Nguyên Mông.

Trong phạm vi nguồn tư liệu trong nước, chúng tôi tìm thấy nhiều tài liệu viết về cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông của Đại Việt. Qua những công trình nghiên cứu này, cuộc kháng chiến của quân dân nhà Trần vào thế kỷ XIII đã được tái dựng lại chi tiết từ các sự kiện lịch sử, thông tin về số lượng quân đội đến nghệ thuật quân sự cũng như các bài học kinh nghiệm đúc kết được. Nhân vật Trần Quốc Tuấn cũng được nhắc đến như một người anh hùng dân tộc với những chiến công, đức độ và tài năng thao lược. Trong đó tiêu biểu là cuốn “Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông: thế kỷ XIII” (1975) của tác giả Hà Văn Tấn, Phạm Thị Tâm. Công trình này đã đưa ra những lý giải rất khoa học và cụ thể về nguyên nhân chiến thắng của Đại Việt, trong đó nêu rõ vai trò lãnh đạo của quý tộc nhà Trần và sự đoàn kết chiến đấu của quân đội, “chính sức mạnh đoàn kết và tinh thần quyết chiến quyết thắng của toàn dân là yếu tố quyết

định chiến thắng” [Hà Văn Tấn, 1968: 322]. Tuy nhiên, phần đề cập đến tài năng lãnh đạo của Trần Quốc Tuấn vẫn còn dừng lại ở việc trình bày chiến công, chưa thấy đúc kết lại theo hệ thống. Phần phân tích chi tiết về chiến công, tài năng lãnh đạo và nghiệp tích của Trần Quốc Tuấn lại được trình bày khá chi tiết trong cuốn “Trần Quốc Tuấn và kháng chiến chống Nguyên Mông” (2014) do Đăng Khoa và Trần Thu biên soạn; cuốn “Anh hùng dân tộc, thiên tài quân sự Trần Quốc Tuấn và quê hương Nam Định” (2000) do Viện lịch sử quân sự Việt Nam biên tập; v.v.. Chúng tôi tìm thấy nhiều tư liệu hữu ích khi phân tích và tổng hợp nghệ thuật quân sự của Trần Quốc Tuấn từ những tác phẩm này như cách xác định vị trí chiến trường, lối chiến đấu linh hoạt căn cứ theo địa hình, nguồn tài nguyên có sẵn, ... Đồng thời, đức độ và cách đối nhân xử thế của Trần Quốc Tuấn cũng được khắc họa rõ ràng. Cuốn “Việt Nam và Đông Nam Á thời kỳ chống xâm lược Nguyên - Mông (Thế kỷ 13)” (1999) của tác giả Nguyễn Thị Thu Thủy là một trong số những tài liệu hiếm hoi viết bằng tiếng Việt đề cập đến cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông trong phạm vi rộng hơn như Chiêm Thành, quần đảo Java, ... Nói tóm lại, các công trình nghiên cứu bằng tiếng Việt mà chúng tôi tiếp cận được đã phần nào đi sâu giải thích nguyên nhân chiến thắng của cuộc kháng chiến có sự góp mặt của nhân tố con người, cụ thể là tướng Trần Quốc Tuấn, nhưng vẫn chưa tìm thấy công trình nào so sánh đối chiếu nghệ thuật quân sự giữa Trần Quốc Tuấn với những tướng quân khác cùng thời, cùng kẻ thù là đế quốc Nguyên Mông.

Received: April 19th 2020

Accepted: July 23th 2020

*Corresponding Author

Email: tuongvi@lhu.edu.vn

Khi nghiên cứu về cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông của Nhật Bản vào thế kỷ XIII, chúng tôi tham khảo chủ yếu là các công trình nghiên cứu khoa học của các học giả Nhật Bản. Nội dung các công trình này chủ yếu thuật lại các sự kiện lịch sử, số liệu, nhân vật,... nhưng chưa thấy phần tổng hợp chiến lược – chiến thuật. Yếu tố con người, cụ thể là nhân vật Hojo Tokimune mặc dù được đề cập đến nhưng chưa thấy làm rõ vai trò của nhân vật này trong sự thành công cuối cùng của cuộc chiến. Trong số đó tiêu biểu là cuốn “北条時宗と蒙古襲来” (Hojo Tokimune và cuộc xâm lược của Nguyên Mông) (2001) của tác giả Murai Shosuke là một công trình viết về sự nghiệp của nhân vật Hojo Tokimune gắn liền với chính quyền Mạc phủ Kamakura và thế lực của dòng họ Hojo. Cuốn “蒙古襲来” (Mông Cổ xâm lược) (2014) của tác giả Hattori Hideo gồm 10 chương với hơn 500 trang trình bày khá chi tiết những sự kiện lịch sử xoay quanh cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông của Nhật Bản. Cuốn “モンゴル襲来と国土防衛戦” (Mông Cổ xâm lược và cuộc chiến bảo vệ Tổ quốc) (2018) của tác giả Kitaoka Masatoshi cung cấp nhiều thông tin học thuật về các sự kiện lịch sử và số liệu có liên quan đến hai cuộc xâm lược của đế quốc Nguyên Mông như: số lượng binh lính, cấu tạo và tốc độ chiến thuyền, sức mạnh vũ khí,... Đặc biệt ở chương 7 có phần đánh giá về nhân vật Hojo Tokimune và một số chiến thuật đã được sử dụng trong chiến đấu. Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi cũng có tham khảo thêm một số thông tin liên quan đến chiến lược và chiến thuật đã được sử dụng trong cuộc kháng chiến như cuốn “海から見た日本の防衛” (Công cuộc phòng vệ của Nhật Bản nhìn từ biển) (2003) của Matsumura Tsutomu; Cuốn “戦略は歴史から学べ” (Chiến lược học từ lịch sử) (2016) của tác giả Suzuki Hiroki; Cuốn “激闘の日本史 北条時宗と元寇の危機” (Lịch sử Nhật Bản với những cuộc giao tranh xung đột – Hojo Tokimune và nguy cơ xâm lược từ Nguyên Mông) của tác giả Izawa Motohiko... Tuy nhiên, cũng giống như các công trình viết bằng tiếng Việt, các học giả Nhật Bản chỉ chú trọng trình bày và phân tích chủ đề xoay quanh cuộc kháng chiến của dân tộc mình, mà chưa thấy đề cập đến cuộc kháng chiến của các dân tộc khác, đặc biệt là Đại Việt. Mặt khác, liên quan đến cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông của Nhật Bản, chúng tôi còn tìm thấy một số công trình khác có trình bày sơ lược nội dung, diễn biến cuộc kháng chiến như các sách giáo khoa, các bộ thông sử như cuốn “Lịch sử Nhật Bản” do Phan Ngọc Liên chủ biên (1997); cuốn “Lịch sử Nhật Bản” của Lê Văn Quang (1998), cuốn “Lịch sử Nhật Bản” do Nguyễn Quốc Hùng chủ biên (2007), cuốn Lịch sử Nhật Bản của George Sansom do Lê Năng An dịch sang tiếng Việt (1994)... Các công trình này chỉ trình bày diễn biến, các sự kiện lịch sử liên quan đến cuộc kháng chiến một cách sơ lược, khái quát, không đề cập nhiều đến chiến lược, chiến thuật cũng như nhân tố con người góp phần trong chiến thắng cuối cùng. Vì vậy, chúng tôi viết bài báo này với mục đích cung cấp thêm một góc nhìn mới về cuộc kháng chiến của hai dân tộc thông qua điểm tương đồng và dị biệt trong vai trò lãnh đạo của tướng lĩnh, cụ thể là hai nhân vật Hojo Tokimune và Trần Quốc Tuấn.

Bởi vì đây là một đề tài nghiên cứu vấn đề lịch sử với mục đích làm rõ vai trò của Hojo Tokimune và Trần Quốc Tuấn trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông vào thế kỷ XIII nên bài viết chủ yếu sử dụng phương pháp lịch sử và phương pháp logic. Phương pháp lịch sử giúp trình bày các sự kiện lịch sử đã xảy ra trong cuộc kháng chiến chống quân

Nguyên Mông dưới thời Trần và Mạc phủ Kamakura một cách có hệ thống, theo lịch đại trên những tài liệu sử học đáng tin cậy. Phương pháp logic giúp phân tích kế hoạch và hành động của các bên tham chiến, từ đó phát hiện mối quan hệ nhân quả giữa các sự kiện lịch sử, hiểu rõ ngọn nguồn vấn đề, tránh đưa ra những nhận định chủ quan, sai lệch. Ngoài ra, bài viết còn sử dụng phương pháp so sánh đối chiếu để phát hiện những điểm tương đồng và khác biệt trong nghiệp tích và quyết sách của hai vị tướng sĩ khi chỉ huy của kháng chiến chống quân Nguyên Mông.

2. NỘI DUNG

2.1 Một số kiến thức liên quan

2.1.1 Đế quốc Nguyên Mông

Buổi ban đầu của đế quốc Nguyên Mông là một nhóm rời rạc những bộ tộc sống bằng nghề chăn nuôi du mục trên các thảo nguyên rộng lớn phía bắc đại lục châu Á vào thế kỷ XII. Giữa các bộ lạc liên tục xảy ra xung đột tranh giành quyền khai thác các đồng cỏ chăn nuôi, quyền săn bắn và chi phối liên bộ lạc. Mãi đến đầu thế kỷ XIII, Thiết Mộc Chân (帖木真 Temujin) tập hợp được một lực lượng quân sự nồng cốt và tiến hành nhiều cuộc chiến thôn tính các bộ tộc du mục khác trên thảo nguyên. Đến năm 1206, Thiết Mộc Chân trở thành “Đại Hãn” (大汗) - người lãnh đạo tối cao của Mông Cổ, xưng là Thành Cát Tư Hãn (成吉思汗 Genghis Khan), lập nên nhà nước phong kiến trung ương tập quyền là vương quốc Mông Cổ.

Thành Cát Tư Hãn đã tổ chức các cuộc viễn chinh xâm lược các vùng lãnh thổ lân cận. Vương quốc Mông Cổ dần lớn mạnh và trở thành một thế lực vượt trội ở phương Bắc. Thành Cát Tư Hãn và các Hãn hậu duệ đã liên tục tổ chức các viễn chinh, lãnh thổ dưới quyền cai trị của các Hãn Mông Cổ trải dài khắp lục địa Á – Âu. Đế quốc Mông Cổ hình thành. Sau khi Thành Cát Tư Hãn qua đời, các thế hệ Hãn hậu duệ như Oa Khoát Đài (窩闊台 Ogedei), Mông Kha (蒙哥 Mongke), Hốt Tất Liệt (忽必烈 Kubilai) tiếp tục các cuộc viễn chinh xâm lược. Năm 1271, Hốt Tất Liệt quyết định dời đô về Đại Đô (大都), lên ngôi Hoàng đế, mở đầu triều đại nhà Nguyên.

Tại Việt Nam, các học giả khi nghiên cứu lịch sử thời kỳ này thường quen dùng cách gọi “đế quốc Nguyên Mông”, “nhà Nguyên” hay “quân Nguyên Mông” để chỉ chính quyền hay quân đội của vương triều Nguyên dưới sự cai trị của các hoàng đế xuất thân Mông Cổ.

2.1.2 Đại Việt và cuộc chuyển giao quyền lực Lý – Trần

Từ đầu thế kỷ XIII, tình hình nước Đại Việt dưới thời Lý trở nên bất ổn, chiến tranh loạn lạc khắp nơi, các thế lực cát cứ nổi lên tranh đoạt quyền lực ở địa phương, quyền lực triều đình vô cùng suy yếu. Trong bối cảnh đó, nhà Trần dần thôn tính chính quyền và trở thành một thế lực quý tộc vững mạnh. Từ năm 1220, Trần Thừa và Trần Tự Khánh đánh bại các thế lực đối địch, chiếm vùng Hà Nam, sau đó tiến dọc theo hai bờ sông Hồng chiếm vùng Thái Nguyên và Vĩnh Phúc, sau đó bình định khu vực này. Thế lực của nhà Trần dần được củng cố, chiếm giữ các vị trí quan trọng trong triều đình. Năm 1223, Trần Thừa Khánh qua đời, Trần Thừa được phong làm Phụ Quốc Thái Úy, Trần Thủ Độ được phong làm Điện Tiền Chi Huy Sứ, nắm giữ binh quyền nhà Lý. Năm 1225, Lý Huệ Tông truyền ngôi cho con gái là Lý Chiêu Hoàng. Năm 1226, dưới sự dàn xếp của Trần Thủ Độ, Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh, chấm

dứt thời gian cai trị hơn hai trăm năm của vương triều nhà Lý.

Như vậy, nước Đại Việt đã trải qua một cuộc chuyển giao quyền lực tương đối êm thấm từ nhà Lý sang nhà Trần. Cuộc chuyển giao quyền lực không ảnh hưởng hay xáo trộn đến tình hình kinh tế, chính trị, xã hội lúc bấy giờ. Nhà Trần đã chậm rãi mở rộng quyền kiểm soát của mình, triệt tiêu dần sức mạnh của nhà Lý, cuối cùng soạn ngôi nhà Lý để trở thành thế lực chính trị kiểm soát Đại Việt một cách danh chính ngôn thuận. Từ đây, nhà Trần bắt đầu xây dựng đất nước thống nhất và phát triển vững vàng mãi đến thế kỷ XIV.

2.1.3 Mạc phủ Kamakura và dòng họ Hojo

Từ “Mạc phủ” (幕府), trong đó “mạc” (幕) là “tắm rèm”, “phủ” (府) là “đại bản doanh, trụ sở, cơ quan”, “Mạc phủ” được “*lấy từ hình ảnh Tướng quân điều hành công việc trong những tấm màn vây trên chiến trường, căn cứ hay doanh trại, trụ sở của Tướng quân, cơ quan hành chính của chính phủ võ sĩ, hay chính quyền của tầng lớp võ sĩ*”¹ [Shinmura Izuru, 2008: 2239].

Kể từ hậu kỳ thời Heian (平安), quyền lực của dòng họ Fujiwara (藤原) ngày càng suy yếu, bị hai dòng họ Taira (平) và Minamoto (源) liên hợp lật đổ. Về sau, mâu thuẫn phát sinh giữa hai dòng họ này, dòng họ Taira bị đánh bại bởi dòng họ Minamoto. Sau khi Minamoto Yoritomo (源頼朝 1147-1199) quyết định đặt căn cứ chính quyền tại Kamakura (鎌倉), bắt đầu thời kỳ Mạc phủ Kamakura.

Mạc phủ là một chính quyền của tầng lớp võ sĩ (武家政権) do Tướng quân (將軍) đứng đầu và tồn tại song song với triều đình lúc này chỉ còn tính biểu tượng. Mạc phủ Kamakura kéo dài từ năm 1192 đến năm 1368. Sau khi Yoritomo qua đời vào năm 1199, quyền lực Tướng quân suy sút, dòng họ Hojo nắm tóm chính quyền và điều hành đất nước dưới danh nghĩa “Chấp quyền” (執権 Shikken). Chấp quyền thay mặt Tướng quân mà Tướng quân lại dưới danh nghĩa Thiên Hoàng. Thiên Hoàng lúc bấy giờ đã rời khỏi sân khấu chính trị Nhật Bản và không còn thực quyền gì ngoài việc chủ trì lễ tấn phong nhận chức cho các đời Tướng quân sau này. Quyền lực thực sự do Mạc phủ nắm giữ và thực thi nhờ vào các lực lượng võ sĩ vũ trang. Xã hội thời Kamakura là một xã hội được quản lý bởi tầng lớp võ sĩ, nên nó có tính chất của một xã hội quân sự hóa.

2.2 Trần Quốc Tuấn và Hojo Tokimune

2.2.1 Trần Quốc Tuấn

Trần Quốc Tuấn (陳國峻 1228-1300) (Hình 1) hay còn được biết đến với tên gọi Trần Quốc Tuấn (陳興道), sinh ra trong gia đình tôn thất nhà Trần, phụ thân là Trần Liễu, chú ruột là vua Trần Thái Tông Trần Cảnh. Được hậu thuẫn bởi quyền lực và tài lực của gia tộc, từ nhỏ Trần Quốc Tuấn được nuôi dạy để trở thành người kế thừa gia tộc. Trần Quốc Tuấn đã tiếp thu nền giáo dục quý tộc chú trọng rèn luyện song song văn võ, có cơ hội tiếp xúc giao lưu với những bậc tri thức ưu tú và cao tăng trong và ngoài nước lúc bấy giờ.

Khi quân Nguyên Mông sang xâm lược Đại Việt vào thế kỷ XIII, Trần Quốc Tuấn được giao nhiệm vụ chỉ huy quân

đội nhà Trần chiến đấu chống quân xâm lược. Trần Quốc Tuấn đã chủ động liên kết các lực lượng quân sự quý tộc nhà Trần, kêu gọi ý chí chiến đấu toàn dân để đạt đến mục tiêu thống nhất mặt trận kháng chiến chống quân Nguyên Mông. Đối mặt với nguy cơ mất nước, Trần Quốc Tuấn đã nhận rõ sự tương quan lực lượng, sở trường, sở đoản của quân đội nhà Trần và quân Nguyên Mông, từ đó vận dụng một cách linh hoạt những chiến lược, chiến thuật để dẫn dắt dân tộc chiến thắng đội quân Nguyên Mông hùng mạnh nhất thế giới lúc bấy giờ.



Hình 1. Trần Quốc Tuấn (1228-1300)²

2.2.2 Hojo Tokimune

Trong suốt thời kỳ Mạc phủ Kamakura, ngoại trừ thời gian Minamoto Yoritomo tại vị, dòng họ Hojo đã nắm giữ thực quyền chính trị và kiểm soát toàn bộ Nhật Bản. Những chính sách dưới sự xét duyệt của dòng họ Hojo được đánh giá là rất khoan nhượng, tích cực và được lòng dân. Nhà Hojo có quyền thu tô từ dân nhưng lại không giữ riêng cho mình mà phân phát cho chư hầu, đền chùa, xây dựng mối liên kết giao hảo với các thế lực địa phương. Chính nhờ vậy, sau khi nhà Hojo phân phối rộng rãi chức vụ hành chính tại các tỉnh miền tây, khu vực này đã được đặt dưới quyền kiểm soát của Mạc phủ Kamakura.

Hojo Tokimune (北条時宗 1251-1284) (Hình 2) là vị Chấp quyền đời thứ tám của Mạc phủ Kamakura, nhân vật đã có công dẫn dắt dân tộc Nhật Bản vượt qua hai cuộc xâm lược của quân Nguyên Mông năm 1271 và năm 1284. Được hun đúc từ chiếc nôi quyền lực của gia tộc, Tokimune từ sớm đã tiếp xúc với những nhân vật chính trị kiệt xuất của Nhật Bản và các quốc gia láng giềng lúc bấy giờ, đó là những tướng lĩnh chỉ huy quân đội tài ba, những văn nhân tri thức hiểu

¹ Nguyên văn: (もと將軍が戦場にあつて幕中で事を治めたからいう) 將軍の居所または軍營。柳營。武家政治の政庁。また、武家政権そのものをいう。

² Nguồn Wikimedia: https://vi.wikipedia.org/wiki/Trần_Hưng_Đạo (Ngày truy cập: 12/12/2019).

biết sâu rộng về lịch sử Trung Quốc, những thiên sư ưu tú, giới võ sĩ chuyên nghiệp của Mạc phủ Kamakura. Mặc dù xuất thân danh gia vọng tộc nhưng Tokimune đã được nuôi dưỡng và uốn nắn từ nhỏ theo tinh thần võ sĩ. Bên cạnh đó, Tokimune còn được biết đến là một nhà lãnh đạo rất quan tâm đến cuộc sống của người dân.

Như vậy, Tokimune và Trần Quốc Tuấn đều có xuất thân danh gia vọng tộc, có quan hệ họ hàng với hoàng gia và mối liên kết sâu xa với triều đình đương thời. Cả hai vị tướng đều được sinh ra trong gia đình võ tướng, được nuôi dưỡng để trở thành người lãnh đạo quân đội. Như vậy, xuất phát điểm của Tokimune và Trần Quốc Tuấn có nét tương đồng với nhau, điều này ảnh hưởng rất nhiều đến những thành tựu về vang sau này.

Thứ nhất, bởi vì sinh ra trong gia đình có truyền thống quan võ, nên ngay từ nhỏ Tokimune và Trần Quốc Tuấn đã được tạo điều kiện thuận lợi để trau dồi kiến thức về nghệ thuật quân sự, rèn luyện võ nghệ, cưỡi ngựa, bắn cung. Mặt khác, thông qua sự trợ giúp từ gia đình, Tokimune và Trần Quốc Tuấn đã tiếp xúc với môi trường quân đội từ rất sớm, có cơ hội học tập hệ thống, cách thức tổ chức quân đội, lập uy tín bản thân cũng như tạo dựng được mối quan hệ với giai cấp tướng lĩnh lúc bấy giờ. Bởi địa vị quý tộc của mình, Tokimune và Trần Quốc Tuấn có cơ hội tiếp xúc với những vị tướng kiệt xuất, thiên sư uyên bác, văn nhân nổi tiếng, thương nhân quảng giao. Họ chính là nguồn tri thức quý báu cho Tokimune và Trần Quốc Tuấn mở mang kiến thức ra thế giới bên ngoài, nắm bắt tình hình kinh tế chính trị quốc tế, những bài học kinh nghiệm trong chiến đấu,... những điều này có ảnh hưởng rất lớn đến khả năng hoạch định đường lối đấu tranh và lãnh đạo toàn dân kháng chiến chống quân Nguyên Mông sau này. Có thể nói, chỗ dựa và nguồn lực gia tộc có vai trò rất lớn trong việc nuôi dưỡng, vun trồng tài năng của Tokimune và Trần Quốc Tuấn. Khi quân Nguyên Mông xâm lược đất nước, dòng họ Hojo và nhà Trần đã sẵn sàng cung cấp cho Nhật Bản và Đại Việt người lãnh đạo đủ sức gánh vác vận mệnh dân tộc.



Hình 2. Hojo Tokimune (1251-1284)³

³ Nguồn Wikimedia: https://upload.wikimedia.org/wikipedia/commons/3/30/Hōjō_Tokimune.jpg (Ngày truy cập: 12/12/2019).

Thứ hai, Tokimune và Trần Quốc Tuấn được sinh ra và lớn lên trong một xã hội tương đối ổn định về mặt chính trị. Tại Nhật Bản, công cuộc chuyển giao quyền lực từ triều đình sang thế lực của Tướng quân đã bước đầu ổn định. Sau đó, nhà Hojo chiếm giữ thực quyền chính trị từ Tướng quân, dần dần mở rộng phạm vi thế lực ra khắp vùng lãnh thổ. Tương tự như vậy, Đại Việt cũng đã hoàn thành việc chuyển giao quyền lực từ nhà Lý sang nhà Trần. Vua quan nhà Trần đã làm tốt công việc trị nước, đưa đất nước nhanh chóng vượt qua thời kỳ khó khăn từ cuối thời Lý để phát triển nền kinh tế. Chính vì dòng họ Hojo và nhà Trần đã tiếp giữ thực quyền chính trị lúc bấy giờ nên Tokimune và Trần Quốc Tuấn mới thuận lợi nắm quyền lãnh đạo kháng chiến sau này.

2.3 Vai trò của Trần Quốc Tuấn và Hojo Tokimune trong cuộc kháng chiến

2.3.1 Thống nhất mặt trận kháng chiến dân tộc

Một cuộc chiến tranh muốn thành công thì trước tiên phải xây dựng được một hậu phương vững chắc. Vai trò đóng góp của hậu phương vào một cuộc chiến thể hiện qua việc tiếp tế vũ trang, lương thực và đảm bảo nguồn binh lực được huấn luyện đầy đủ, phù hợp. Một đội quân dù đông đảo và thiện chiến nhưng nếu công tác chuẩn bị hậu phương không tốt thì cũng sẽ lập tức bị kẻ thù tiêu diệt. Nói cách khác, sự thành bại của một cuộc chiến tranh không chỉ quyết định bởi tố chất của binh lính hay tính ưu việt của vũ khí mà nó còn phụ thuộc rất nhiều vào tầm nhìn chiến lược của người lãnh đạo thông qua công tác chuẩn bị chiến tranh. Tục ngữ nói “*binh mã chưa động, lương thảo đi trước*”⁴, hiệu quả vận động hậu phương có thể trở thành lợi thế hay điểm yếu của một cuộc chiến và gián tiếp ảnh hưởng năng lực chiến đấu của toàn quân. Nói cách khác, hậu phương cần phải được chuẩn bị “đúng lúc, đúng chỗ” trước khi xuất chiến.

Khi đứng trước nguy cơ xâm lược từ đế quốc Nguyên Mông, công tác vận động hậu phương của Nhật Bản diễn ra với nhịp độ khẩn trương và tinh thần đồng thuận cao độ. Người Nhật đã đổ dồn toàn bộ sức người và sức của vào cuộc kháng chiến này. Hojo Tokimune đã áp dụng chế độ trưng binh thời chiến, ra lệnh cho các thế lực Ngự gia nhân vùng Kyushu cùng với lực lượng võ sĩ địa phương chuẩn bị cho cuộc kháng chiến. Mệnh lệnh được thông tri đến các khu vực, đặc biệt là các vùng duyên hải như Sanuki (讃岐), Shikoku (四国), eo biển Tsushima và vùng xung quanh đó. Hojo Tokimune cũng phát lệnh triệu tập các võ sĩ di chuyển về Kyushu, rất nhiều võ sĩ tình nguyện tham gia chiến đấu đã lên đường di chuyển về Hakata. Những võ tướng trực thuộc dòng họ Hojo được cử đến bảo vệ những vị trí chiến lược. “*Tất cả những người dân Kyushu được lệnh tăng cường phòng thủ. Tất cả những người dân Kyushu đang ở Kyoto cũng được lệnh trở về quê hương tham gia phòng thủ*” [George Sansom, 1994: 559]. Lương thực, nước, vũ khí được gấp rút vận chuyển đến chiến địa. Trong chiến đấu, những võ sĩ bị thương sẽ được đưa ra khỏi chiến trường ngay lập tức để trị liệu y tế.

Tokimune cũng ra lệnh tăng cường hệ thống phòng ngự bằng cách xây dựng thêm các công trình phòng ngự dọc theo bãi biển bao gồm các pháo đài, chiến lũy ở phía tây nam đảo Honshu (本州) và vùng bờ biển tây bắc của đảo Kyushu. Bên cạnh đó, Tokimune cũng cho chuẩn bị rất nhiều thuyền nhẹ,

⁴ 兵馬未動，糧草先行 (Binh mã vị động, lương thảo tiên hành).

có thể cơ động tác chiến trên biển. Rút kinh nghiệm cuộc kháng chiến năm 1274, quân địch đã đổ bộ tiến sâu vào vịnh Hakata, cho nên Tokimune đã chủ động tăng cường khả năng phòng thủ các vị trí chiến lược này bằng việc xây dựng dãy tường đá kiên cố tại vịnh Hakata, từ miền đông mũi Shiga dọc theo bờ biển vịnh Hakozaki đến tận Imazu. Dãy tường đá được xây dựng trong suốt năm năm đã trở thành tuyến phòng ngự quan trọng của quân Nhật Bản ngăn cản địch tiến sâu vào đất liền.

Đối với trường hợp Đại Việt, công tác chuẩn bị chiến tranh được thực hiện từ rất sớm. Quân đội được tuyển chọn kỹ lưỡng và huấn luyện tại chỗ. Công tác trung binh được thực hiện kết hợp giữa quân đội triều đình và quân đội địa phương, hay còn gọi là “huương binh”, “gia binh”. Đến tháng 11 năm 1258, các vua Trần đã ra lệnh cho cả nước chuẩn bị vũ khí để đánh giặc. Bên cạnh đó, công tác đóng tàu thuyền và rèn luyện thủy quân cũng được xem trọng. Các tướng lĩnh được bổ nhiệm đến canh giữ những vị trí chiến lược chủ yếu.

Ngược lại với tinh thần chuẩn bị kháng chiến cao độ của phía Nhật Bản, công tác chuẩn bị chiến tranh lại trở thành gánh nặng cho quân Nguyên Mông. Bởi vì là một đội quân viễn chinh xâm lược, quân Nguyên Mông không có nguồn chi viện tại chỗ nên bị giới hạn rất nhiều trong việc chuẩn bị lương thực và nước uống. Bởi mưu đồ bá chủ của đế quốc Nguyên Mông, sinh hoạt của người dân vô cùng khổ khổ. Dân chúng bị trưng thu lúa gạo, lương thực dẫn đến nạn đói xảy ra khắp nơi. “*Nhân dân Trung Quốc ở các tỉnh miền Nam không những phải nộp thuế gạo mà còn phải chịu phu dịch chuyên vận lương thực*” [Hà Văn Tấn, 1968: 165]. Rất nhiều người đã bỏ trốn để tránh việc vận chuyển lương thực cho quân đội Nguyên Mông.

Liên hệ với trường hợp Cao Ly⁵, chính quyền phong kiến Cao Ly gần như bất lực trong công tác thống nhất mặt trận kháng chiến chống quân Nguyên Mông. Triều đình Cao Ly đã rơi vào cảnh nội loạn và chia rẽ nội bộ với hai phái “chủ chiến” và “chủ hòa”. Đối mặt với đại quân Nguyên Mông tiến vào lãnh thổ, chính quyền Cao Ly mà đại diện là các quan văn quan võ đã bỏ chạy, để mặc người dân ở lại chiến đấu giữ thành. Chính quyền quý tộc đã kéo vào núi để gây dựng chiến tranh du kích. Thủ đô Gaegyeong cũng được di dời về Ganghwa-do. Tuy nhiên, chính quyền quý tộc Cao Ly trong lúc chạy loạn vẫn sa đà vào thói sa hoa, tăng sưu thêm thuế dẫn đến lòng dân căm phẫn. Sau khi người cầm quyền tối cao là Choe Ui bị ám sát, chính quyền quý tộc Cao Ly sụp đổ, Cao Ly không còn một thế lực chính trị đủ sức lãnh đạo nhân dân kháng chiến. Khi quân Nguyên Mông ập đến, Cao Ly từng bước giảng hòa với nhà Nguyên, tạo cơ hội cho Nguyên Mông xâm nhập vào nội bộ các bè phái, từng bước không chế và chiếm đoạt quyền lực chính trị từ triều đình.

Như vậy, đối mặt với sức ép từ đế quốc Nguyên Mông, Nhật Bản và Đại Việt đã nhanh chóng “chuyển mình” từ thời bình sang thời chiến dưới sự lãnh đạo của Tokimune và Trần Quốc Tuấn. Chính sức mạnh kêu gọi toàn dân đoàn kết kháng chiến của chính quyền nói chung và của Trần Quốc Tuấn, Hojo Tokimune nói riêng đã tạo nên một khối thống nhất dân tộc chống giặc ngoại xâm, thúc đẩy việc chuẩn bị kháng chiến diễn ra khẩn trương, kịp thời. Sức mạnh kêu gọi này

không thể đến từ “một sớm một chiều”, mà phải được gây dựng và nuôi dưỡng một thời gian dài bằng tài năng và đức độ của người thống lĩnh.

2.3.2 Vận dụng chiến lược – chiến thuật phù hợp

2.3.2.1 Xác định vị trí phòng thủ

Việc xác định đúng vị trí chiến lược để gia tăng phòng thủ là một nhân tố rất quan trọng không thể thiếu trong bất kỳ một cuộc chiến nào. Trong cả hai lần kháng chiến chống quân Nguyên Mông, Hojo Tokimune đều xác định vị trí phòng thủ chiến lược trọng điểm là vịnh Hakata, tập trung toàn bộ lực lượng võ sĩ về cố thủ nơi này. Thứ nhất, nơi đây là vị trí tiếp giáp gần nhất với bán đảo Triều Tiên, trong điều kiện quân Nguyên Mông không quen đi biển, nơi đây sẽ là đích tấn công được lựa chọn đầu tiên. Thứ hai, vịnh Hakata là lối vào vào Kyushu, nơi tập trung ba mô lưu huỳnh lớn của Nhật Bản.

Đối với trường hợp Đại Việt, Trần Quốc Tuấn đặt cứ điểm kháng chiến tại phủ Thiên Trường⁶ và yêu cầu cố thủ nơi này bằng mọi giá. Thiên Trường nằm ở vị trí dễ thủ dễ công, đồng thời là vùng đất “*địa linh nhân kiệt*”, nhiều nhân tài, có thể khai thác hiệu quả sức người và sức của. Thiên Trường cũng là vùng đất được xem là kinh đô thứ hai của Đại Việt, tầm quan trọng chỉ sau kinh thành Thăng Long. Trong cả lần kháng chiến chống quân Nguyên Mông, quan quân nhà Trần đều lựa chọn phủ Thiên Trường là điểm rút lui chiến lược và duy trì sức mạnh phản công cho quân kháng chiến.

Có thể nói cả hai vị tướng đã thành công trong việc xác định vị trí phòng thủ ngay từ đầu, điều này ảnh hưởng không nhỏ đến toàn bộ cuộc kháng chiến sau này. Cả Tokimune và Trần Quốc Tuấn đều căn cứ trên lợi thế bán địa khi xác định vị trí phòng thủ. Về phía Nhật Bản, Tokimune lựa chọn vịnh Hakata để làm vị trí phòng thủ vì nhằm vào lợi thế bờ biển: quân Nguyên Mông không thạo đi biển, không quen với lối chiến đấu trên thuyền và cách thức đổ bộ lên bờ. Tương tự như vậy, Trần Quốc Tuấn lựa chọn phủ Thiên Trường bởi địa hình và nguồn lực chi viện dồi dào từ vùng này. Tuy nhiên, nếu nhìn vào vị trí phòng thủ của quân Nhật Bản và Đại Việt thì có thể nhận ra điểm khác nhau trong chiến lược phòng thủ của Tokimune và Trần Quốc Tuấn. Tokimune quyết định đánh giữ chân địch ngay từ bờ biển, tuyệt đối không cho tiến sâu vào bờ. Mọi nguồn lực đều đổ dồn vào tuyến phòng thủ tại vịnh Hakata. Kế hoạch tác chiến của Nhật Bản theo đó là “*đánh nhanh, thắng nhanh*”. Ngược lại, Trần Quốc Tuấn dẫn dụ địch vào sâu trong đất liền, kết hợp đánh du kích và rút lui chiến lược, theo đó kế hoạch tác chiến của Trần Quốc Tuấn là “*đánh lâu dài, dần dần tiêu hao được sinh lực của địch, bồi dưỡng được lực lượng của ta, tương quan lực lượng dần chuyển hóa theo phương hướng có lợi cho ta và cuối cùng đánh bại được quân thù*” [Hà Văn Tấn, 1968: 331]. Nếu phía Nhật Bản có lợi thế bờ biển, chỉ cần cầm chân địch đủ lâu ngoài khơi thì có thể chiến thắng, thì phía Đại Việt vốn nối liền đường biên giới phía bắc nên không thể áp dụng lối “*đánh nhanh, thắng nhanh*” này. Mặt khác, địa hình quần đảo của Nhật Bản lại rất khó khăn để tổ chức phòng thủ trong đất liền như Đại Việt, một khi quân Nguyên Mông chiếm giữ được Kyushu, lấy nơi này làm cứ

⁵ *Vương triều Cao Ly (918-1392): vương triều bắt đầu kể từ khi Wang Geon lên ngôi quốc vương, đổi tên nước thành Goryeo, lấy niên hiệu là Cheonsu (Thiên Thu) vào năm 918 và năm sau ông dời đô từ Cheorwo về Songak. Vương triều này kéo dài gần nửa thế kỷ. Cho đến khi các thế lực võ thần mà trung tâm là I Seong-gye và những Sinjinsadaebu tham gia cải cách đã trở thành thế lực thống*

trị mới, cuối cùng họ đã lật đổ vương triều Goryeo và lập nên vương triều Joseon (Triều Tiên).

⁶ *Phủ Thiên Trường ngày nay là vùng đất Nam Định.*

điểm quân sự để tiến đánh các đảo còn lại thì chính thể phòng ngự Nhật Bản chắc chắn sẽ bị tách rời, rất khó để tổ chức phản công và lần lượt bị thôn tính. Tóm lại, mặc dù đều căn cứ trên lợi thế có sẵn để xác định vị trí phòng thủ nhưng Tokimune thì chọn phương án tốc chiến tốc thắng, còn Trần Quốc Tuấn thì chọn phương án trường kỳ kháng chiến. Sự lựa chọn sáng suốt này đã cho thấy sự quyết đoán, tư duy nhạy bén và tầm nhìn chiến lược của hai vị tướng lĩnh trước tình thế khó khăn lúc bấy giờ.

2.3.2.2 Phòng thủ và phản công

Kết quả thành bại của một cuộc chiến tranh quyết định không chỉ bởi sự tương quan lực lượng hai bên. Một trong những nhân tố quan trọng tác động trực tiếp đến kết quả cuộc chiến là khả năng đánh giá tình hình thực tế để vạch ra được một chiến lược phù hợp. Khi chiến đấu với quân Nguyên Mông, Trần Quốc Tuấn và Hojo Tokimune đều vận dụng linh hoạt các chiến lược và chiến thuật phù hợp đặt trong mối tương quan lực lượng với quân Nguyên Mông.

Thứ nhất, chiến lược **“không đối đầu trực tiếp với quân lực của địch”**. Trong cả hai lần xâm lược Nhật Bản, quân Nguyên Mông đều thành công tiến sâu vào vịnh Hakata và đổ bộ lên bờ ở một số vị trí chiến lược như Hakozaki, Momochihara và Imazu. Phía Nhật Bản đã tổ chức phòng ngự bằng tường đá, sử dụng vũ khí cung tên đốt thuyền địch, dùng kỹ binh đối đầu với bộ binh. Trong cuộc chạm trán trên đất liền, các võ sĩ Nhật Bản đã chiến đấu theo từng nhóm nhỏ, đặt chiến trường ở nơi hiểm yếu, cố gắng rút ngắn khoảng cách với đối thủ để nhanh chóng đi vào cận chiến, qua đó vô hiệu hóa thời gian tấn công ồ ạt của quân Nguyên Mông. *“Quân Nhật Bản có thói quen bắn tên lúc mở trận, sau khi gây ra tổn thất nặng nề cho quân địch mới tiến vào đánh giáp lá cà”* [Matsumura Tsutomu 2003: 69]. Nhờ chiến lược này, quân Nhật Bản mặc dù có số lượng ít hơn nhưng đã giữ vững chiến tuyến một thời gian dài, kìm chế tốc độ tiến sâu vào đất liền của quân Nguyên Mông.

Trong cuộc kháng chiến lần thứ nhất, các võ sĩ Nhật Bản đã nhiều lần đối đầu trực tiếp với quân Nguyên Mông và bị thất bại. Tuy nhiên, đến cuộc kháng chiến lần thứ hai thì rất ít xảy ra những cuộc xung đột trực diện của quân đội Nhật Bản với cánh quân chủ lực Nguyên Mông, mà chủ yếu chuyển sang lối đánh du kích mang lại hiệu quả hơn.

Trong cuộc kháng chiến của Đại Việt, khi quân Nguyên Mông tiến công ồ ạt từ nhiều phía, Trần Quốc Tuấn đã chủ trương rút lui chiến lược để bảo toàn lực lượng. Quân Đại Việt chủ động lựa chọn né tránh mũi nhọn tấn công của địch, bỏ thành Thăng Long nhưng cố thủ ở Nam Định, tránh đối đầu trực tiếp với thế tấn công hung mãnh của địch. Đồng thời, quân Nguyên Mông bị bối rối không xác định được vị trí cánh quân chủ lực của Đại Việt, do đó buộc phải phân tán lực lượng chiếm đóng ở nhiều vị trí, quân lính luôn trong trạng thái căng thẳng bị động phòng ngự, tạo cơ hội cho quân Đại Việt chủ động tổ chức phản công.

Thứ hai, chiến lược **“ngăn chặn nguồn tiếp tế, bổ sung lương thực, nước uống của địch”**. Khi quân Nguyên Mông hành quân, ngoài số lương thực giới hạn được vận chuyển theo đoàn, thì còn liên tục bổ sung lương thực bằng cách chiếm đoạt vơ vét ở những nơi hành quân đi qua. Ngăn chặn không cho quân Nguyên Mông nhận được tiếp tế lương thực tại chỗ cũng đồng nghĩa với việc làm suy yếu năng lực chiến đấu của địch.

Đối với bất kỳ một chuyến hàng hải nào, việc bổ sung nguồn nước luôn được ưu tiên hàng đầu. Nói như Cao Văn Liên, *“một quân đội mà thiếu lương thực thì dù có hùng*

manh bao nhiêu chăng nữa cuối cùng vẫn bị tan rã” [Cao Văn Liên, 2017: 133]. Quân Nguyên Mông cũng biết rõ điều này. Sau khi tấn công và chiếm được đảo Tsushima, quân Nguyên Mông đã lưu lại nơi này khoảng một tuần. Bên cạnh việc chinh đồn quân sự, tu sửa chiến thuyền, mai táng binh sĩ tử trận,... thì việc bổ sung lương thực và nước ngọt cũng rất được xem trọng. Tuy nhiên, số lượng nước ngọt quân Nguyên Mông có thể dự trữ mang theo là có hạn. Đồng thời, quân Nguyên Mông không thể luôn lênh đênh ngoài khơi vì số lượng nước uống và lương thực cung cấp cho toàn quân mỗi ngày là rất lớn.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc bổ sung nước uống và lương thực, Tokimune đã ra lệnh ngăn cản địch trên bờ biển, cố gắng không cho địch tiến sâu vào đất liền. Việc ngăn cản không cho quân địch đổ bộ và tiến sâu vào bờ sẽ chặn đứng nguồn tiếp viện lương thực của địch, đặc biệt là nguồn nước ngọt. Nếu Nhật Bản thành công ngăn chặn quân Nguyên Mông không cho đổ bộ lên bờ, đồng nghĩa với việc cắt đứt nguồn tiếp viện nước ngọt và lương thực. Nói cách khác, giả sử quân Nhật có thể giữ chân được quân Nguyên Mông ngoài khơi trong thời gian đủ lâu thì cũng đồng nghĩa với việc Nhật Bản có thể **“không chiến mà thắng”**.

Tương tự như vậy, năm 1285, khi phải đối mặt với sáu mươi vạn quân Nguyên Mông tiến đến ồ ạt, Trần Quốc Tuấn đã lựa chọn rút lui chiến lược và thực hiện kế sách **“vườn không nhà trống”** để bảo toàn lực lượng. Bên cạnh đó, quân Đại Việt cũng tổ chức tập kích đội quân tải lương thực của Trương Văn Hô. Đây là đội quân hậu cần cung cấp lương thực cho đại quân Nguyên Mông nhưng lực lượng bảo vệ lại yếu. Quân Đại Việt không mất quá nhiều công sức để triệt hạ đội quân này nhưng lại gây tác động rất lớn đến quân Nguyên Mông. Quân Nguyên Mông buộc phải viễn chinh trong tình trạng thiếu thốn lương thực, từ đó trực tiếp làm suy giảm sức mạnh chiến đấu của quân lính.

Thứ ba, chiến lược **“linh hoạt lợi dụng lợi thế và sở trường để tấn công địch”**. Nói như Suzuki Hiroki, *“chỉ có ưu thế thì không thể chiến thắng, mà nó gắn liền với hành động tạo ra hoàn cảnh phát huy lợi thế”* [Suzuki Hiroki, 2016: 3]. Sức mạnh quân sự của quân Nguyên Mông nằm ở lối tiến quân ồ ạt, điều động toàn bộ binh lực xông lên phía trước và sử dụng nhiều vũ khí tiên tiến lúc bấy giờ như hỏa dược, pháo cối, máy bắn đá... Tuy nhiên, thế mạnh quân sự này không được phát huy hiệu quả đối với chiến trường Đại Việt và Nhật Bản.

Khi xâm lược Nhật Bản, một mặt quân Nguyên Mông phải tổ chức hải quân vượt biển, một mặt máy bắn đá công kền khó vận chuyển vào bờ, do đó máy bắn đá không thể phát huy hiệu quả trong cuộc chiến này. Khi chiến thuyền quân Nguyên Mông tiến vào vịnh Hakata, binh lính sẽ từ thuyền lớn xuống thuyền nhỏ, rồi từ thuyền nhỏ tiếp cận bờ, mỗi lần như vậy thuyền nhỏ chỉ chờ được khoảng mười lăm người và phải đối mặt với lực lượng phòng ngự của võ sĩ Nhật Bản đợi sẵn trên bờ. Đây là cơ hội cho các võ sĩ Nhật Bản chủ động phản công do quân Nguyên Mông bị phân tán, rất khó quy tụ sức mạnh tập thể, nếu tấn công vào thời điểm này thì sức mạnh công phá sẽ tăng cao. Hơn nữa, những thuyền nhỏ sau khi đưa quân Nguyên Mông đổ bộ lên bờ sẽ được kéo về chiến thuyền để chuẩn bị cho đợt đổ bộ tiếp theo. Việc di chuyển đi đi về về này tương đối mất thời gian, quân Nhật nhân cơ hội tiêu diệt lần lượt toàn bộ mà không phải đối mặt với đội quân chủ lực áp đảo về mặt số lượng ngay từ khi bắt đầu cuộc chiến.

Khi chiến đấu ngăn cản không cho quân Nguyên Mông đổ bộ lên bờ, thành phần tham chiến về phía Nhật Bản là những

võ sĩ Kamakura cưỡi ngựa và đoàn võ sĩ tùy tùng trong vai trò bộ binh. Trong khi quân Nguyên Mông rải rác khó quy tụ lực lượng do không thiết lập được cứ điểm trên bờ, thì quân đội Nhật Bản với số lượng ít hơn đã giành được ưu thế. Số lượng binh lính Nguyên Mông bị giết và bị thương trong trận đấu đầu với kỵ binh Nhật Bản rất nhiều. Phía Nhật Bản đã tận dụng và phát huy lợi thế bờ biển để phát huy hiệu quả chiến lược giữ chân địch trên biển, ngăn không cho đổ bộ lên đất liền.

Liên hệ trường hợp của Đại Việt, nhà Trần cũng nhận thức rõ thế mạnh của quân Nguyên Mông là kỵ binh, nên quân Đại Việt thường lợi dụng địa hình sông ngòi, kênh rạch để phân công, cố gắng không đối đầu với kỵ binh Nguyên Mông trên vùng địa hình bằng phẳng. Khi phải đối đầu với đại quân Nguyên Mông tấn công ở ạt, phía Đại Việt cũng đã lựa chọn cách đánh tránh đối đầu trực diện với quân chủ lực.

Uy lực của chiến lược sẽ thay đổi tùy vào tình hình thực tế, trong mối tương quan với đối thủ hay hoàn cảnh tổ chức thực hiện chiến lược. Đối mặt với lực lượng quân sự hùng mạnh là quân Nguyên Mông, Trần Quốc Tuấn và Hojo Tokimune đã rất sáng suốt khi lựa chọn chiến thuật “*tránh nặng tìm nhẹ*” nhờ đó bảo toàn lực lượng trong khi vẫn chiến đấu tiêu hao lực lượng địch. Lịch sử đã cho thấy không bao giờ có cái gọi là chiến lược tuyệt đối, ngay cả một chiến lược được cho là mạnh nhất cũng không phải vạn năng.

3. KẾT LUẬN

Cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông xâm lược của Nhật Bản, Đại Việt và kết quả của nó khiến cả thế giới phải kinh ngạc. Nhiều người cho rằng kết quả cuối cùng này là một “thần tích” khi nhìn vào sự chênh lệch lực lượng và sức mạnh quân đội giữa bên xâm lược và bên kháng chiến. Trên thực tế, hai lần xâm lược của đế quốc Nguyên Mông vào thế kỷ XIII thực sự là một “nhân họa” mà dân tộc Nhật Bản, Đại Việt đã phải oằn mình chống đỡ. Bài viết với mong muốn đóng góp một phần nhỏ bé vào việc khẳng định chiến thắng của Nhật Bản và Đại Việt trước quân Nguyên Mông hùng mạnh có một phần nguyên nhân xuất phát từ tài năng lãnh đạo kháng chiến của tầng lớp tướng lĩnh, đó là trường hợp của Hojo Tokimune và Trần Quốc Tuấn. Từ việc lãnh đạo toàn dân chuẩn bị kháng chiến đến những quyết sách, chiến lược, chiến thuật được sử dụng trong những lần đụng độ với quân Nguyên Mông đã chứng minh tài năng quân sự kiệt xuất của hai vị tướng lĩnh tài ba là Trần Quốc Tuấn và Hojo Tokimune. Đây chính là “*những con người kiệt xuất mà một dân tộc văn minh sở hữu*”, nói như Gustave Le Bon, “*tất cả mọi thế hệ, toàn bộ quá khứ của một chủng tộc đã sinh ra những thiên tài tốt đẹp này, họ là những đóa hoa tuyệt vời của một chủng tộc. Họ là vinh quang đích thực của một quốc gia, và mỗi thành viên trong đó, cho đến kẻ khiêm tốn nhất, cũng có thể tự hào vì họ. Họ không xuất hiện tình cờ hay do phép màu, mà đại diện cho sự hoàn mỹ của một quá khứ dài lâu*” [Gustave Le Bon, 2016: 202].

Việt Nam đang bước vào giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, bên cạnh những cố gắng vươn mình bắt kịp trình độ kỹ thuật tiên tiến của thế giới, chúng ta cần phải tiếp tục học hỏi những bài học từ quá khứ đấu tranh dựng nước

và giữ nước của các dân tộc. Đó là những kinh nghiệm quân sự, chiến tranh vũ trang, đấu tranh ngoại giao,... được đúc kết từ xương máu của bao thế hệ. Chỉ có sự kết hợp hợp lý giữa phát triển kinh tế và củng cố an ninh quốc phòng mới có thể đảm bảo được sự phát triển bền vững của đất nước.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Cao Văn Liên. *Thủy hải chiến Việt Nam*. Nhà xuất bản Thanh niên, 2017.
- [2] Đặng Khoa, Trần Thu (biên soạn). *Trần Quốc Tuấn và kháng chiến chống Nguyên Mông*. Nhà xuất bản Văn hóa Thông Tin, 2014.
- [3] George Sansom, *Lịch sử Nhật Bản*. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội Hà Nội, 1994.
- [4] Gustave Le Bon. *Những qui luật tâm lý về sự tiến hóa của các dân tộc*. Nhà xuất bản Thế giới, 2016.
- [5] Hà Văn Tấn & Phạm Thị Tâm. *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông: Thế kỷ 13*. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 1968.
- [6] Nguyễn Thị Thu Thủy. *Việt Nam và Đông Nam Á thời kỳ chống xâm lược Nguyên - Mông (Thế kỷ 13)*. Nhà xuất bản Trẻ, 1999.
- [7] Phan Ngọc Liên, *Lịch sử Nhật Bản*. Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin, 1997.
- [8] Viện lịch sử quân sự Việt Nam. *Anh hùng dân tộc, thiên tài quân sự Trần Quốc Tuấn và quê hương Nam Định*. Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2000.
- [9] Matsumura Tsutomu. *Công cuộc phòng vệ của Nhật Bản nhìn từ biển*. Nhà xuất bản PHP Kenkyusho, 2003.
(松村 劭, 海から見た日本の防衛, PHP 研究所, 2003)
- [10] Suzuki Hiroki. *Chiến lược học từ lịch sử*. Nhà xuất bản Diamond, 2016.
鈴木 博毅, 戦略は歴史から学べ, ダイヤモンド社, 2016)
- [11] Hattori Hideo. *Mông Cổ xâm lược*. Nhà xuất bản Yamagawa, 2014.
(服部 英雄 (2014)、蒙古襲来、山川出版社)
- [12] Izawa Motohiko. *Izawa Motohiko - Lịch sử Nhật Bản với những cuộc giao tranh xung đột*. Nhà xuất bản Kadokawa, 2015.
(井沢 元彦 (2015)、井沢元彦の激闘の日本史 北条時宗と元寇の危機、角川学芸出版)
- [13] Kitaoka Masatoshi. *Mông Cổ xâm lược và cuộc chiến bảo vệ Tổ quốc*. Nhà xuất bản Shoubunsha, 2018.
(北岡 正敏 (2018)、モンゴル襲来と国土防衛戦、叢文社)
- [14] Matsumura Tsutomu, *Công cuộc phòng vệ của Nhật Bản nhìn từ biển*. Nhà xuất bản PHP Kenkyusho, 2003.
(松村 劭 (2003)、海から見た日本の防衛、PHP 研究所)
- [15] Murai Shosuke. *Hojo Tokimune và cuộc xâm lược của Mông Cổ*. Nhà xuất bản NHK, 2001.
(村井 章介 (2001)、北条時宗と蒙古襲来、日本放送出版協会)
- [16] Suzuki Hiroki. *Chiến lược học từ lịch sử*. Nhà xuất bản Diamond, 2016.
(鈴木 博毅 (2016)、戦略は歴史から学べ、ダイヤモンド社)
- [17] Shinmura Izuru. *Từ điển Kojien*. Nhà xuất bản Iwanami, 2008.
(新村 出 (2008)、広辞苑、岩波書店)